

Số: /KH-UBND

*Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2021*

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025,**  
**định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh Bắc Giang ban hành kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Phát triển hạ tầng CNTT và truyền thông thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt; phát triển ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng dùng chung hạ tầng số, nền tảng số đảm bảo khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong hoạt động quản lý nhà nước; phát triển kinh tế số, cung cấp các dịch vụ số phục vụ người dân và doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu đổi mới, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh.

2. Cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra trong Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy.

3. Thực hiện triển khai quyết liệt, đồng bộ với sự vào cuộc của các cấp, các ngành; đồng thời phân công rõ nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện và xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, nguồn lực thực hiện đối với từng nhiệm vụ.

**II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số**

**1.1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh quy mô cấp tỉnh nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Tham mưu văn bản chỉ đạo thường xuyên của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số.

## 1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng kế hoạch, phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi mô hình sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công và thất bại của doanh nghiệp khi chuyển đổi sang mô hình kinh tế số ở trên thế giới và ở Việt Nam.

- Tổ chức các chương trình trao đổi với doanh nghiệp về xu thế và tính tất yếu của chuyển đổi số hiện nay trong doanh nghiệp và ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng nguồn dữ liệu mở để khai thác các giá trị nhằm phát triển doanh nghiệp trong thời đại số.

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Tổ chức các khóa học, trao đổi về chuyển đổi số với doanh nghiệp, trước hết là những người chịu trách nhiệm của doanh nghiệp, chủ yếu trả lời câu hỏi làm sao để thực hiện chuyển đổi số.

## 1.3. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình

- Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số để thực hiện tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh nhằm tăng cường sự tham gia của người dân sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến về các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước; nâng cao nhận thức của toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh để thu hút, định hướng người dân, doanh nghiệp ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, tham gia xây dựng chính quyền số, tạo sự đồng thuận trong xã hội và toàn bộ hệ thống chính trị.

## 1.4. Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố

- Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số” tại ngành mình, cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chuyển đổi nhận thức vai trò người đứng đầu trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị theo phương châm “**4 không, 1 có**”: Làm việc *không* giấy tờ, hội họp *không* tập trung; dịch vụ công *không* gặp mặt; thanh toán *không* dùng tiền mặt và *có* số hóa thông tin, dữ liệu.

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của ngành mình, địa phương mình trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử thành phần của cơ quan, đơn vị mình.

## **2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số**

Tổ chức rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo điều kiện tốt nhất cho công cuộc chuyển đổi số của tỉnh. Nhiệm vụ giao cho các ngành tham mưu, cụ thể như sau:

### **2.1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Duy trì, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cập nhật, xây dựng các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh đảm bảo đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu.

- Cập nhật quy chế, chính sách bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước (CQNN) trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các chính sách về CSDL (chiến lược chuẩn hóa, tích hợp dữ liệu; danh mục dữ liệu; danh mục CSDL; quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu; kết nối, chia sẻ dữ liệu; kế hoạch mở dữ liệu).

- Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống của tỉnh nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

### **2.2. Sở Nội vụ**

- Cập nhật, xây dựng quy định về tiếp nhận, số hóa, lưu trữ và xử lý hồ sơ, văn bản điện tử đúng pháp luật hiện hành về văn thư lưu trữ và chữ ký số.

- Xây dựng bộ tiêu chí công sở số, bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng đơn vị, lãnh đạo, công chức, viên chức trong quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, ưu tiên đãi ngộ cho công chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

### **2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Xây dựng các chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, trong đó ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghệ số, công nghệ cao, thương mại điện tử... thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

### **2.4. Sở Công Thương**

Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ dân quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử có uy tín trong và ngoài nước.

## 2.5. Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố

- Căn cứ các cơ chế, chính sách của tỉnh về chuyển đổi số, các sở, ngành, UBND huyện, thành phố cụ thể hóa, ban hành theo thẩm quyền các quy định, quy chế của ngành mình, địa phương mình sát với tình hình thực tế, nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi để thực hiện chuyển đổi số, hình thành “cơ quan số” tại ngành mình, cấp mình.

- Rà soát, chỉnh sửa, ban hành kịp thời quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng thủ tục hành chính của các cấp.

## 3. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số

### 3.1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu các cấp trong các CQNN (bao gồm cả nhận thức an toàn thông tin).

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT trong các CQNN (bồi dưỡng chuyên sâu ít nhất 20 người để thành lập Tổ chuyên gia của tỉnh làm nòng cốt tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số).

- Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong các CQNN.

- Tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên gia an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Hằng năm, xây dựng kế hoạch, cử cán bộ tham gia đào tạo, đào tạo lại, bổ sung kiến thức theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm phục vụ tốt quản trị, vận hành, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của các thiết bị, phần mềm, CSDL tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

### 3.2. Sở Nội vụ

- Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh bố trí sắp xếp bổ sung cán bộ chuyên trách CNTT cấp huyện, cán bộ cấp xã (*chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về CNTT*), nêu rõ chức danh đảm nhận nhiệm vụ CNTT.

### 3.3. Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố

- Đẩy mạnh công tác tự học tập, tuyên truyền, chủ động nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức các kiến thức về CNTT, ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động thực thi công vụ.

- Chủ động rà soát, đăng ký cán bộ công chức, viên chức tham dự đầy đủ các chương trình bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về CNTT, chuyển đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ tổ chức.

- Mỗi huyện, thành phố chủ động lựa chọn một đơn vị cấp xã để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân. Thời gian bắt đầu năm 2022, nhân rộng từ năm 2023.

- Yêu cầu các sở, ngành, UBND huyện, thành phố ưu tiên bố trí sắp xếp cán bộ chuyên trách CNTT trong định biên của đơn vị để đảm bảo triển khai các ứng dụng CNTT và thực thi nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan đạt hiệu quả.

## 4. Phát triển chính quyền số, xây dựng đô thị thông minh

### 4.1. Sở Thông tin và Truyền thông

#### a) Phát triển hạ tầng số

- Xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang theo hướng hiện đại, đạt chuẩn tối thiểu Tier 3 bằng công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, có năng lực tính toán song song, xử lý dữ liệu lớn... để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số, đô thị thông minh và đảm bảo an toàn thông tin. Hướng dẫn thực hiện giải pháp thuê dịch vụ lưu trữ tập trung CSDL trên nền tảng điện toán đám mây.

- Phát triển hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo kết nối thông suốt 3 cấp hành chính từ tỉnh đến xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị họp trực tuyến của các CQNN từ tỉnh đến xã để nâng cao chất lượng công tác họp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến; triển khai mô hình phòng họp thông minh hướng đến mục tiêu họp không tập trung và không giấy tờ trên phạm vi toàn tỉnh.

- Đầu tư trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi toàn bộ địa chỉ giao thức Internet thế hệ cũ (Ipv4) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6) đối với toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G, ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, CQNN, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch.

## b) Phát triển nền tảng số

- Nâng cấp, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Bắc Giang kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL nội bộ của tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NDXP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

- Xây dựng nền tảng kết nối dịch vụ số hóa tỉnh Bắc Giang bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) với các phương pháp học máy đảm bảo kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng quản lý, lưu trữ tài liệu số hóa, khai phá dữ liệu, hỗ trợ phân tích ra quyết định các bài toán phục vụ phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số tại các cấp, các ngành và Kho dữ liệu số của tỉnh.

- Xây dựng nền tảng định danh điện tử (eID) tỉnh Bắc Giang để bóc tách sinh trắc học nhận dạng người dân dưới dạng đặc tính số để lưu trữ và truy xuất thông tin công dân số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng nền tảng điện toán đám mây tỉnh Bắc Giang trên cơ sở kết nối đám mây của các CQNN nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho chính quyền số trên quy mô toàn tỉnh được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.

- Xây dựng nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa dựa trên nền tảng điện toán đám mây tỉnh Bắc Giang đảm bảo kế thừa các hệ thống hạ tầng số đã được xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Thuê dịch vụ nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI) để sử dụng cho phát triển và triển khai các ứng dụng số, dịch vụ số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang.

- Thuê dịch vụ nền tảng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) gồm các thành phần quan trọng như phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, truyền nhận, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.

## c) Phát triển các ứng dụng, CSDL, dịch vụ số của tỉnh

- Xây dựng Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang để quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của tỉnh hình thành trong quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng, phát triển Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh Bắc Giang để quản trị dữ liệu số, công bố hiện trạng thông tin về dữ liệu số của các CQNN trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin bảo đảm kết nối với Cổng dữ liệu số quốc gia.

- Hợp nhất Cổng dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang; phát triển với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác. Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết.

- Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của CQNN các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Tăng cường triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến theo mô hình xác định công dân, doanh nghiệp từ khi đến giao dịch, hoàn thiện hồ sơ điện tử thay cho giấy tờ thông thường, xác thực định danh người đăng ký, mô hình đăng ký đa điểm dịch vụ công, tích hợp các dịch vụ công ích và sự nghiệp.

- Tiếp cận và ứng dụng hiệu quả các công nghệ cốt lõi của chuyên đội số trong quản lý điều hành; tiếp tục duy trì, hoàn thiện hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành công việc; Cổng thông tin điện tử của các cấp ủy đảng, chính quyền; Hệ thống chứng thực điện tử và quản lý chữ ký số tỉnh; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh; Hệ thống phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh; Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp...

- Tổ chức chuẩn hóa CSDL dùng chung của tỉnh kết hợp với cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia hình thành danh mục CSDL dùng chung thống nhất trong quá trình vận hành, khai thác các hệ thống thông tin.

- Phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị, giao thông và các dữ liệu khác trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Xây dựng và triển khai Ứng dụng Công chức số tỉnh Bắc Giang.

d) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh Bắc Giang cho các hệ thống thông tin của tỉnh và kết nối với Hệ thống hỗ trợ, giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia để đánh giá rủi ro, giám sát, phát hiện tấn công, cảnh báo sớm, ngăn chặn kịp thời và ứng cứu các sự cố liên quan đến an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số trong công tác bảo đảm an toàn thông tin; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

#### 4.2. Văn phòng UBND tỉnh

- Xây dựng, phát triển Trung tâm điều hành thông minh (IOC) để kết nối và phân tích dữ liệu liên ngành, cho phép theo dõi các chỉ số kinh tế - xã hội trực quan trên màn hình, đưa ra các cảnh báo sớm để hỗ trợ ra quyết định, phục vụ chỉ đạo, điều hành kịp thời.

- Đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

#### 4.3. Thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên

- Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên để đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh.

- Xây dựng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên, triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, chiếu sáng, điện, nước... đảm bảo việc kết nối, truyền dữ liệu và hỗ trợ các bài toán phân tích phục vụ quản lý cũng như triển khai các dịch vụ đô thị thông minh. Đến năm 2025, xây dựng hạ tầng IoT bao gồm cảm biến IoT theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu về quản lý và phát triển đô thị như: quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, nguồn nước...

- Xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, môi trường, quản lý đô thị, cây xanh, chiếu sáng, điện, nước...

- Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển quy hoạch đô thị thông minh thành phố Bắc Giang xanh, bền vững trên cơ sở xây dựng bản đồ số trên nền GIS 3D nhằm phát triển ứng dụng quản lý quy hoạch kiến trúc, công trình xây dựng và đất đai.

#### 4.4. Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị hệ thống họp trực tuyến, hệ thống mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét, thiết bị số hóa... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở các cấp, các ngành.

- Triển khai mô hình “cơ quan số”, áp dụng công nghệ để kiểm soát toàn diện từ quản lý hành chính cho đến quản lý công việc; quản lý theo hình thức trực tiếp và liên kết ngành trong các hoạt động.

- Tổ chức số hóa dữ liệu quản lý chuyên ngành tại các sở, ngành, UBND huyện, thành phố theo lộ trình, đảm bảo 100% các ngành hoàn thiện hệ thống thông tin chuyên ngành trên nền tảng số hóa và vận hành bởi quy trình số. Tạo lập dữ liệu thống kê phục vụ quản lý số liệu chuyên ngành, tổng hợp số liệu chỉ tiêu kinh tế xã hội toàn tỉnh.

- Xây dựng, phát triển CSDL các ngành, lĩnh vực đáp ứng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang và bảo đảm kết nối, chia sẻ, tích hợp với CSDL của các bộ, ngành Trung ương theo yêu cầu của Chính phủ.



- Triển khai thực hiện số hóa tài liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

- Đầu tư trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật để bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số.

## **5. Phát triển kinh tế số**

### **5.1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai các giải pháp kết nối với các doanh nghiệp viễn thông để thực hiện, triển khai thanh toán với các giao dịch có giá trị nhỏ thông qua tài khoản viễn thông (Mobile Money).

- Cung cấp các phân tích dữ liệu lớn về tình hình và xu thế thị trường trong và ngoài nước... trên Cổng dữ liệu mở (Open Data) của tỉnh, giúp các doanh nghiệp định hướng, xây dựng chiến lược và kế hoạch chuyển đổi số để phát triển kinh tế số phù hợp.

- Đẩy mạnh hợp tác với các Tập đoàn lớn như: Viettel, VNPT, FPT... để định hướng cho các doanh nghiệp theo một chiến lược phát triển nền kinh tế số thống nhất trên địa bàn tỉnh.

### **5.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Nghiên cứu, tham mưu thành lập một khu công nghiệp/cụm công nghiệp CNTT tập trung của tỉnh có thể định hướng tham gia chuỗi công viên phần mềm Quang Trung để thu hút, đón làn sóng đầu tư chất lượng cao, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số.

- Tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để giúp họ tự đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh của mình theo phương thức mới.

- Thực hiện hỗ trợ tối thiểu 100 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tham gia Chương trình hỗ trợ khởi doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEDx). Thời gian hoàn thành trong tháng 11/2021.

### **5.3. Sở Công Thương**

- Tập trung tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng trên các sàn thương mại điện tử lớn (như: Lazada, Shopee, Tiki, Sendo, Voso, Postmart...) để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo ra các mô hình sản xuất mới hiệu quả hơn và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới.

- Tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, giải pháp giao dịch điện tử thanh toán trong thương mại và dịch vụ công; chú trọng phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, ví điện tử, mã QR code, NFC, POS...; đảm bảo an toàn thanh toán để góp phần thúc đẩy thanh toán điện tử trong giao dịch thương mại điện tử.

- Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; hỗ trợ bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phối hợp thực hiện cập nhật CSDL quy hoạch, hạ tầng công nghiệp và thương mại trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang.

- Phối hợp thực hiện cập nhật CSDL quản lý lưới điện trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm và công khai kết quả trên mạng Internet đối với những trường hợp có đơn thư tố cáo, khiếu nại của người tiêu dùng.

#### 5.4. Các doanh nghiệp ICT hoạt động trên địa bàn tỉnh

- Các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn có chi nhánh tại Bắc Giang tập trung phát triển các công nghệ số nền tảng, đầu tư nghiên cứu và phát triển các công nghệ lõi thực hiện phát triển kinh tế số, kinh tế chia sẻ trên địa bàn tỉnh.

- Các doanh nghiệp ICT đã khẳng định được thương hiệu đảm nhận các sứ mệnh tiên phong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số, tư vấn, đào tạo nguồn nhân lực số phục vụ xã hội chuyển đổi số, trước tiên là các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác.

- Thực hiện chuyển đổi số của doanh nghiệp ICT để nâng cao năng suất lao động và có kinh nghiệm, có thực tế để phục vụ tốt hơn cho công cuộc chuyển đổi số của tỉnh.

- Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistic.

### 6. Phát triển xã hội số

Các ngành, địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp để phát triển xã hội số của tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

- Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng: Xây dựng cơ chế chính sách an toàn số cho cộng đồng, cung cấp thông tin và kiến thức về an toàn trên môi trường số.

- Xây dựng nền tảng cung cấp các khóa học đại trà (MOOCs) trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp để nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân; từng bước hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng các dịch vụ số trên nền tảng chính quyền số, đô thị thông minh qua nhiều kênh giao tiếp giúp người dân có thể lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu như sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế thông minh, giáo dục thông minh, giao thông thông minh, thông tin bất động sản, việc làm, các tiện ích của thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ... để mang lại sự hài lòng cho người dân thông qua chuyển đổi số.

- Triển khai, phát triển hệ thống Wifi miễn phí tại các khu, điểm du lịch, bệnh viện, bến xe... với khoảng 100 điểm để phục vụ phát triển xã hội số của tỉnh.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng Trung tâm trí tuệ nhân tạo (AI) giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân thực hiện chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch, tổng rà soát và triển khai phương án đảm bảo 100% hệ thống cấp quang được phủ đến tận cấp xã.

- Các doanh nghiệp viễn thông đẩy nhanh phổ cập Internet và thiết bị điện tử trên toàn tỉnh: Cung cấp thiết bị truy cập mạng cho các vùng đặc biệt khó khăn; cung cấp thiết bị số giá rẻ để phổ cập chuyển đổi số đến toàn tỉnh.

- Các cơ quan, doanh nghiệp liên quan đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống ứng dụng CNTT thuận lợi trên thiết bị di động thông minh để hỗ trợ phổ biến đường lối chính sách, pháp luật; giáo dục về giới tính, nhân quyền, bình đẳng giới, quyền phụ nữ, quyền trẻ em, giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cho đồng bào dân tộc thiểu số; cung cấp thông tin hướng nghiệp, việc làm phù hợp với trình độ, nhu cầu của đồng bào dân tộc thiểu số.

## **7. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên**

### **7.1. Sở Y tế**

- Lựa chọn 02 xã tại 02 huyện Việt Yên và Yên Thế để triển khai thí điểm ứng dụng tư vấn khám chữa bệnh từ xa. Thời gian hoàn thành tháng 12/2021.

- Xây dựng Trung tâm điều hành y tế thông minh tỉnh Bắc Giang trên nền tảng quản trị y tế thông minh bằng công nghệ số, đảm bảo việc kết nối dữ liệu tại các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh.

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế để hoạt động trên môi trường số với bệnh án điện tử. Các bệnh viện cấp tỉnh hoàn thành hệ thống bệnh án điện tử vào năm 2025, tiến tới hoàn thành bệnh án điện tử trên toàn bộ hệ thống y tế tỉnh vào năm 2030. Các cơ sở y tế xây dựng CSDL của mình phục vụ cho khám chữa bệnh, và cung cấp dữ liệu cho trung tâm dữ liệu y tế tỉnh, chú trọng tới các hệ dữ liệu chuyên ngành.

- Xây dựng và triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân theo mẫu hồ sơ sức khỏe cá nhân do Bộ Y tế ban hành, đảm bảo 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử vào năm 2025. Phát triển các ứng dụng cung cấp kiến thức phòng bệnh, khám bệnh và chăm sóc sức khỏe để người dân toàn tỉnh có thể tra cứu thông tin dễ dàng, hiệu quả. Triển khai phần mềm quản lý hoạt động các trạm y tế trên toàn tỉnh, có kết nối với các bệnh viện của tỉnh để làm cơ sở cho khám chữa bệnh từ xa. Mục tiêu đến năm 2025, có ít nhất 25% cơ sở khám chữa bệnh tại tỉnh Bắc Giang có dịch vụ chăm sóc, khám chữa bệnh từ xa.

- Triển khai giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh y tế tại các bệnh viện tuyến huyện và tuyến tỉnh trên địa bàn tỉnh. Thời gian hoàn thành tháng 12/2021.

- Triển khai sử dụng rộng rãi các hệ thống hỗ trợ khám chữa bệnh thông minh; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh.

- Triển khai cung cấp tốt các dịch vụ công trực tuyến của ngành y tế tỉnh với các CSDL y tế mở. Triển khai hệ thống thu thập dữ liệu y tế của tỉnh và sử dụng hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu khám chữa bệnh, quản lý thuốc, nhân lực, trang thiết bị...

- Phát triển nhân lực chuyên trách về CNTT và thường xuyên bổ túc kiến thức sử dụng các công nghệ số cho cán bộ, nhân viên ngành y tế tỉnh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ thông minh trong y tế tỉnh với sự kết hợp với các trường viện, doanh nghiệp; ưu tiên bố trí ngân sách cho các đề tài nghiên cứu y tế thông minh.

## 7.2. Sở Giáo dục và đào tạo

- Lựa chọn 02 Trường THCS (tại huyện Việt Yên và Yên Thế) để triển khai thí điểm chuyển đổi số mô hình giáo dục cho các học sinh cấp THCS. Thời gian hoàn thành tháng 5/2022. Tổ chức đánh giá kết quả triển khai thí điểm và thực hiện nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh (*nếu hiệu quả*).

- Xây dựng hạ tầng số cho ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang theo hướng hiện đại, thiết thực, và hiệu quả (xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, điều hành chuyên ngành giáo dục; xây dựng hệ thống CSDL ngành giáo dục tập trung...).

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới (phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học...). Đến năm 2025, 100% các trường học, cơ sở giáo dục số hóa tài liệu, giáo trình; 100% học sinh, sinh viên các cấp tại tỉnh được tiếp cận Internet và kho học liệu trực tuyến; xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống học trực tuyến tại các trường học.

- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục qua các khóa huấn luyện, tập huấn thường xuyên, và học tập từ các thí điểm thành công.

### 7.3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng CSDL đất đai VILG tỉnh Bắc Giang đảm bảo đồng bộ, liên thông.

- Xây dựng, triển khai các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh; phát triển hệ thống tiếp nhận, phân tích, cảnh báo về dữ liệu quan trắc môi trường như: nước thải, nước mặt, khí thải và không khí xung quanh tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dân cư đáp ứng thời gian thực trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh từng giai đoạn.

- Xây dựng ứng dụng phân tích và dự báo về môi trường thời gian thực, các hệ thống giám sát liên tục phục vụ cho các bãi rác, lò xử lý rác thải theo quy định của UBND tỉnh.

- Xây dựng hệ thống tính toán dữ liệu quy hoạch môi trường cho phát triển bền vững...

### 7.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng hệ thống quản lý điều hành thông tin kế hoạch đầu tư để nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý và điều hành trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư. Thực hiện quản lý điều hành theo các chỉ tiêu KPI trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư. Xây dựng CSDL ngành kế hoạch đầu tư của tỉnh theo mô hình dữ liệu tập trung, cập nhật thời gian thực và có khả năng chia sẻ.

- Thực hiện tích hợp CSDL về đăng ký doanh nghiệp, CSDL về thuế, CSDL về xuất nhập khẩu, hình thành một CSDL về doanh nghiệp thống nhất của tỉnh.

### 7.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng nông nghiệp số trong nền kinh tế.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu lớn của ngành như đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

- Xây dựng bản đồ số hóa vùng nguyên liệu, vùng nuôi trồng tích hợp với hệ thống cảm biến quan sát, giám sát, cảnh báo hiệu quả tình hình khí tượng thủy văn, thổ nhưỡng... phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ chuỗi khối (blockchain) trong việc truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm trong nền kinh tế tuần hoàn gắn với thương mại điện tử.

- Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### 7.6. Sở Giao thông vận tải

- Thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số 100% nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác quy hoạch; đầu tư xây dựng; bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật

giao thông; quản lý, tổ chức khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông (cầu, hầm, đường bộ, đường sắt đô thị, chiếu sáng công cộng, hệ thống báo hiệu đường bộ, hệ thống giao thông thông minh (ITS), bãi đậu xe trên địa bàn tỉnh); quản lý công tác đào tạo sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe ô tô, mô tô; quản lý nhà nước về các hình thức giao thông công cộng như xe khách, taxi...

- Nghiên cứu thí điểm và triển khai ứng dụng các phương tiện giao thông mới hỗ trợ việc vận chuyển.

- Xây dựng hệ thống quản lý trực tuyến các dịch vụ vận chuyển; triển khai hệ thống giám sát giao thông thông minh tại các đô thị.

### 7.7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phát triển đồng bộ hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý du lịch ảo, công nghệ thực tế ảo (AR) để số hóa các danh lam, thắng cảnh, con người Bắc Giang nhằm đưa đến những dịch vụ tốt nhất về trải nghiệm, tiện dụng, tăng giá trị và sức hấp dẫn đối với khách du lịch cũng như các điểm đến du lịch; đồng thời, tạo thuận lợi cho việc lưu trữ, bảo tồn, sử dụng, tìm kiếm thông tin về những di sản văn hóa tiêu biểu trên địa bàn tỉnh; ưu tiên số hóa: Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, Khu du lịch cộng đồng và các Di sản văn hóa đã được vinh danh, cụ thể gồm:

- Di sản đã được Unesco vinh danh: Di sản tư liệu ký ức Thế giới khu vực Châu Á Thái Bình Dương: Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm; Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại: (1) Dân ca Quan họ, (2) Ca trù, (3) Thực hành Tín ngưỡng Thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, (4) Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái Việt Nam.

- Di tích Quốc gia đặc biệt: (1) Chùa Vĩnh Nghiêm, (2) chùa Bỏ Đà, (3) Di tích lịch sử Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế, (4) Địa điểm Chiến thắng Xương Giang, (5) Di tích An toàn khu II Hiệp Hòa.

- Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: (1) Dân ca Quan họ, (2) Ca trù, (3) Dân ca Cao Lan (xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn), (4) Dân ca Sán Chí (xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn), (5) Lễ hội Yên Thế (Yên Thế), (6) Lễ hội Thổ Hà (Việt Yên), (7) Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm (Yên Dũng), (8) Lễ hội đền Suối Mỡ (Lục Nam), (9) Lễ hội Y Sơn (Hiệp Hòa), (10) Lễ hội Đình Vòng (Tân Yên), (11) Lễ hội chùa Bỏ Đà (Việt Yên), (12) Nghi lễ Then của người Tày, người Nùng.

- Bảo vật quốc gia: (1) Hương án đá chùa Khám Lạng (Lục Nam), (2) Bia hộp đá đòi Cốc (TP Bắc Giang), (3) Mộc bản chùa Bỏ Đà (Việt Yên), (4) cửa võng đình Thổ Hà (Việt Yên).

### 7.8. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình

- Nâng cấp, phát triển Báo điện tử và giải pháp Tòa soạn điện tử.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ, phát triển hạ tầng sản xuất, xuất bản, phát hành đồng bộ, hiện đại.

- Đầu tư các trang thiết bị kỹ thuật chất lượng cao.
- Nâng cấp website, xây dựng các ứng dụng nền tảng số, tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ cả về nội dung và hình thức truyền tải các chương trình.

#### 7.9. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp UBND huyện Tân Yên, các đơn vị liên quan triển khai thí điểm việc nghiên cứu, ứng dụng chuyển đổi số cấp xã tại UBND xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên và xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn. Bắt đầu thực hiện từ Quý III/2021.

#### 7.10. Sở Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

##### a) Sở Tư pháp

- Số hóa và áp dụng CNTT cho quản lý thông tin ngành tư pháp.
- Tập trung xây dựng một số hệ thống phần mềm đáp ứng yêu cầu kết nối, liên thông với các hệ thống phần mềm của tỉnh gồm: Xây dựng phần mềm quản lý luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; CSDL quản lý, số hóa, cập nhật thông tin về cá nhân, tổ chức giám định tư pháp; CSDL về vi bằng; Xây dựng phần mềm đánh giá tình hình thi hành pháp luật; CSDL phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

##### b) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data)... trong đấu tranh phòng, chống và phát hiện tội phạm.
- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đầu tư trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm đơn giản hóa thủ tục, quy trình tố tụng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm công khai minh bạch các hoạt động của lĩnh vực tư pháp và tố tụng.
- Số hóa 100% hồ sơ vụ án hình sự, chứng cứ số tiến tới xây dựng các phiên tòa số để tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

### III. PHÂN CÔNG, LỘ TRÌNH, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

**1. Phụ lục 01:** Phân công theo dõi, đôn đốc thực hiện các chỉ tiêu.

**2. Phụ lục 02:** Danh mục các nhiệm vụ xây dựng cơ chế, chính sách.

**3. Phụ lục 03:** Danh mục nhiệm vụ, dự án giai đoạn 2021-2025, phân công thực hiện, thời gian triển khai và dự trù kinh phí.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh

Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo mục tiêu và tiến độ đề ra.

#### 2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Làm tốt công tác kiểm soát đầu tư mua sắm theo chỉ đạo, công tác thẩm định và nghiệm thu đưa vào sử dụng các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách, đảm bảo cho công tác đầu tư đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

### **3. Sở Tài chính**

Hàng năm, căn cứ tình hình ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh, bố trí kinh phí đảm bảo tối thiểu 2% tổng chi thường xuyên từ ngân sách các cấp để thực hiện Kế hoạch.

### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án của Kế hoạch này.

### **5. Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố**

- Căn cứ Kế hoạch này, hàng năm (trước ngày 30/9 năm trước, xây dựng kế hoạch cho năm sau) xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm phải thực hiện để bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị Quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy và nội dung của Kế hoạch này; gửi báo cáo UBND tỉnh, đồng thời, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, đôn đốc.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo, manh mún. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp tỉnh đến Trung ương.

- Thực hiện việc lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước các cấp trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ khoa học - công nghệ... để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Khuyến khích việc huy động, khai thác các nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số thông qua việc đầu tư của doanh nghiệp, nhà nước thuê dịch vụ, hình thức hợp tác công - tư, từ quỹ phát triển sự nghiệp...

- UBND huyện, thành phố chủ động bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách thường xuyên của cấp huyện, cấp xã để triển khai các ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.



## **6. Các hiệp hội, hội, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**

- Các hiệp hội, hội doanh nghiệp cấp tỉnh làm đầu mối để hỗ trợ phát triển kinh tế số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

## **7. Chế độ báo cáo**

- Giám đốc các sở, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch này; đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hằng năm (*trước ngày 20/12*) gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/12.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này hằng quý; kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- UBND huyện, thành phố;
- Thành viên, Tổ thư ký BCĐ XD CQĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX.Cường.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Sơn**

**Phụ lục 01****PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU***(Kèm theo Kế hoạch số /UBND-KH ngày 10/7/2021 của UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>
<b>I.</b>	<b>Đến năm 2025</b>		
1.	Đến hết năm 2021, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, đặc biệt trên các thiết bị di động	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh
2.	Trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng <i>(trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước)</i>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố
3.	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành
4.	100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	Các Sở, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông
5.	Trên 60% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Các Sở, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông
6.	Kinh tế số chiếm khoảng 25% GRDP của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
7.	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 15%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
8.	Năng suất lao động hằng năm tăng trên 12,5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
9.	Phản đầu có trên 800 doanh nghiệp số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; Doanh nghiệp
10.	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình, 100% đơn vị hành chính cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố; Doanh nghiệp

STT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
11.	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố; Doanh nghiệp
12.	100% người dân có nhu cầu, đủ điều kiện có tài khoản thanh toán điện tử	Sở Công thương	Sở Thông tin và Truyền thông; Doanh nghiệp
13.	Xây dựng 02 đô thị theo hướng đô thị thông minh tại thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên	UBND thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên	Sở Thông tin và Truyền thông
14.	Chỉ số về kết quả đánh giá chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố
<b>II.</b>	<b>Đến năm 2030</b>		
1.	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh
2.	100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Các Sở, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông
3.	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và trên 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng ( <i>trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước</i> )	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố
4.	Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Các Sở, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông
5.	Kinh tế số chiếm khoảng 35% GRDP của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
6.	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 20%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
7.	Năng suất lao động hằng năm tăng trên 13,5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
8.	Phấn đấu có trên 1500 doanh nghiệp số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; Doanh nghiệp
9.	Xây dựng thành công nền tảng đô thị thông minh tại thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên. Thành phố Bắc Giang đứng đầu các thành phố thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc trong việc xây dựng thành phố thông minh	UBND thành phố Bắc Giang; UBND huyện Việt Yên	Sở Thông tin và Truyền thông
10.	Chỉ số về kết quả đánh giá chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố

**Phụ lục 02****DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH***(Kèm theo Kế hoạch số /UBND-KH ngày /7/2021 của UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>	<b>Loại hình</b>
1	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 7/2021	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố	Kế hoạch
2	Kế hoạch đào tạo tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người đứng đầu các cấp	Trước tháng 10 hằng năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Kế hoạch
3	Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang	Hàng năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành	Quyết định
4	Cập nhật Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang	Hàng năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành	Quyết định
5	Xây dựng các chính sách về CSDL (chiến lược chuẩn hóa, tích hợp dữ liệu; danh mục dữ liệu; danh mục CSDL; quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu; kết nối, chia sẻ dữ liệu; kế hoạch mở dữ liệu)	2022-2023	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành	Quy chế
6	Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống của tỉnh nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá các rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống	2022-2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành	Quy chế
7	Cập nhật, xây dựng quy định về tiếp nhận, số hóa, lưu trữ và xử lý hồ sơ, văn bản điện tử đúng pháp luật hiện hành về văn thư lưu trữ và chữ ký số	2023	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành	Quy chế

<b>STT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>	<b>Loại hình</b>
8	Xây dựng bộ tiêu chí công sở số, bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng đơn vị, lãnh đạo, công chức, viên chức trong quá trình chuyển đổi số	2022	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố	Quy chế
9	Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, ưu tiên đãi ngộ cho công chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	2023	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố	Quy chế
10	Xây dựng các chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, trong đó ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghệ số, công nghệ cao, thương mại điện tử... thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số	2022-2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố	Quyết định
11	Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số, giai đoạn 2021-2025	2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành	Kế hoạch
12	Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp, các hộ dân quảng bá sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử có uy tín trong và ngoài nước, giai đoạn 2021-2025	2021	Sở Công thương	Các Sở, ngành	Kế hoạch
13	Cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng thủ tục hành chính các cấp	Hàng năm	Các Sở, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định

## Phụ lục 03

## DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2025, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN,

## THỜI GIAN TRIỂN KHAI VÀ DỰ TRÙ KINH PHÍ

(Kèm theo Kế hoạch số /UBND-KH ngày /7/2021 của UBND tỉnh)

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
<b>1</b>	<b>CÁC NHIỆM VỤ TUYÊN TRUYỀN, CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ</b>											
1.1	Tuyên truyền về chuyển đổi số	Xây Kế hoạch thực hiện tuyên truyền phổ biến về các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước; thực hiện hướng dẫn, tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh nhằm tăng cường sự tham gia của người dân sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại	Thực hiện hàng năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Đài PTTH tỉnh, Báo Bắc Giang		1,0	1,0	1,0	1,0	4,0	
1.2	Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh quy mô cấp tỉnh	Tổ chức 30-50 Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh quy mô cấp tỉnh nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.	Thực hiện hàng năm	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		0,5	0,5	0,5	0,5	2,0	
1.3	Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Thực hiện định kỳ	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		0,25	0,25	0,25	0,25	1,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
1.4	Cập nhật Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang	Duy trì, cập nhật Kiến trúc ICT cho đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Thực hiện định kỳ	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		0,25	0,25	0,25	0,25	1,0	
<b>2</b>	<b>CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ</b>											
2.1	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu các cấp trong các CQNN tỉnh Bắc Giang	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu các cấp trong các CQNN tỉnh, bao gồm: - Nâng cao kỹ năng, chuyên môn số. - Nâng cao nhận thức của người đứng đầu thông qua các hội thảo, khóa bồi dưỡng. - Nâng cao kỹ năng và nhận thức về an toàn, an ninh thông tin trong thời đại số.	Thực hiện hàng năm	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		0,5	0,5	0,5	0,5	2,0	
2.2	Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyên đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT trong các CQNN tỉnh Bắc Giang	Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyên đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT trong các CQNN tỉnh Bắc Giang, bao gồm: - Bồi dưỡng chuyên sâu ít nhất 20 người để thành lập Tổ chuyên gia của tỉnh làm nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyên đổi số. - Kiến thức không giới hạn ít nhất bao gồm: cơ sở dữ liệu, an ninh và an toàn bảo mật, mạng máy tính và truyền thông...	Thực hiện hàng năm	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		1,0	1,0	1,0	1,0	4,0	





TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
3.1.1	Đầu tư, xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyên đổi số tỉnh Bắc Giang	Đầu tư, xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyên đổi số tỉnh trên cơ sở kế thừa Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh: - Cập nhật và mở rộng theo công nghệ mới: công nghệ điện toán đám mây, kiến trúc siêu hội tụ, tăng năng lực tính toán song song, xử lý dữ liệu lớn... - Hướng tới Trung tâm Tích hợp dữ liệu đạt chuẩn tối thiểu Tier 3. - Đáp ứng nhu cầu quản lý tập trung các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung toàn tỉnh. - Đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số, đô thị thông minh và đảm bảo an toàn thông tin.	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0		5,0	5,0	15,0	Vốn TW 85 tỷ đồng
3.1.2	Phát triển hạ tầng mạng tin học diện rộng (WAN), mạng truyền số liệu chuyên dùng toàn tỉnh	Phát triển hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo kết nối thông suốt 3 cấp hành chính từ tỉnh đến xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh	Thực hiện hàng năm	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		3,0	3,0	3,0	3,0	12,0	
3.1.3	Đầu tư, nâng cấp và mở rộng hệ thống trang thiết bị phục vụ công tác họp trực tuyến trong toàn tỉnh	Phát triển, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị họp trực tuyến của các CQNN từ Tỉnh đến xã để nâng cao chất lượng công tác họp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến; triển khai mô hình phòng họp thông minh hướng đến mục tiêu họp không tập trung và không giấy tờ trên phạm vi toàn tỉnh	Triển khai 2021, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		2,0	2,0	2,0	2,0	8,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
3.1.4	Chuyển đổi hạ tầng IPv4 sang IPv6	- Đầu tư trang thiết bị tại Trung tâm THDL tỉnh. - Mua địa chỉ IP tĩnh, cấu trúc lại hệ thống thông tin tại Trung tâm THDL. - Ưu tiên chuyển đổi IPv6 cho các hệ thống phần mềm dùng chung như: Cổng TTĐT tỉnh; Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống các phần mềm chuyên ngành	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		15,0	15,0	5,0	5,0	40,0	
3.1.5	Xây dựng hạ tầng Internet vạn vật (IoT)	Xây dựng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) cho thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên gồm các nội dung cụ thể sau: - Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, chiếu sáng, điện, nước... đảm bảo việc kết nối, truyền dữ liệu và hỗ trợ các bài toán phân tích phục vụ quản lý cũng như triển khai các dịch vụ đô thị thông minh của thành phố. - Xây dựng hạ tầng IoT bao gồm cảm biến IoT theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu về quản lý và phát triển đô thị như: quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, nguồn nước...	Triển khai năm 2022, hoàn thành năm 2025	UBND thành phố Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên	Sở TT&TT		20,0	30,0	30,0	30,0	110,0	
3.1.6	Nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các cấp, các ngành	Nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị hệ thống họp trực tuyến, hệ thống mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét, thiết bị số hóa... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các cấp, các ngành.	Triển khai năm 2022, hoàn thành năm 2025	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		20,0	20,0	20,0	20,0	80,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
<b>3.2</b>	<b>Phát triển nền tảng số</b>											
3.2.1	Nâng cấp, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP)	Nâng cấp, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Bắc Giang kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nội của tỉnh và kết nối với nền tảng tích hợp Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NDXP) theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	5,0	5,0	3,0	18,0	
3.2.2	Xây dựng Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa tỉnh Bắc Giang	Xây dựng Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa tỉnh Bắc Giang bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) với các phương pháp khoa học máy đảm bảo các yêu cầu chung sau: - Đảm bảo việc kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng tại đơn vị và Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh. - Lưu trữ tài liệu được số hóa, làm hồ sơ gốc phục vụ cho việc quản lý, khai thác tài liệu điện tử. - Khai phá dữ liệu, hỗ trợ phân tích ra quyết định các bài toán phục vụ phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số.	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		10,0	5,0	5,0	5,0	25,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
3.2.3	Xây dựng Nền tảng định danh điện tử (eID) tỉnh Bắc Giang	Xây dựng Nền tảng định danh điện tử tỉnh Bắc Giang gồm những chức năng cơ bản sau: - Bóc tách sinh trắc học nhận dạng người dân dưới dạng đặc tính số; - Lưu trữ và truy xuất thông tin người dân; - Kết nối nền tảng định danh xác thực được sử dụng trong hệ thống Chính quyền điện tử, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP)	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố			15,0	10,0	10,0	35,0	
3.2.4	Xây dựng nền tảng điện toán đám mây tỉnh Bắc Giang	Xây dựng nền tảng điện toán đám mây của tỉnh trên cơ sở kết nối đám mây của các CQNN nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho chính quyền số trên quy mô toàn tỉnh được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố			15,0	5,0	5,0	25,0	
3.2.5	Xây dựng nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa tỉnh Bắc Giang	Xây dựng nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa dựa trên nền tảng điện toán đám mây tỉnh Bắc Giang đảm bảo kế thừa các hệ thống hạ tầng số đã được xây dựng trên địa bàn tỉnh	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố			15,0	10,0	10,0	35,0	
3.2.6	Thuê Nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI)	- Thuê Nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI) để sử dụng cho phát triển và triển khai các ứng dụng số, dịch vụ số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang.		Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố	Tùy theo nhu cầu thực tế						
3.2.7	Thuê Nền tảng Lưu trữ, xử lý và phân tích dữ liệu lớn (Big Data)	- Thuê Nền tảng Lưu trữ, xử lý và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để sử dụng cho phát triển và triển khai các ứng dụng số, dịch vụ số và các CSDL số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang.		Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố	Tùy theo nhu cầu thực tế						

TT	Dan h mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
<b>3.3</b>	<b>Phát triển các ứng dụng, CSDL, dịch vụ số của tỉnh</b>											
3.3.1	Xây dựng Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang	Xây dựng Kho dữ liệu số (data lake, big data) của tỉnh để quản lý thống nhất việc tích hợp, lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của tỉnh hình thành trong quá trình chuyển đổi số.	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		15,0	15,0	10,0	5,0	45,0	
3.3.2	Xây dựng, phát triển Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh Bắc Giang	Xây dựng Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh Bắc Giang để quản trị dữ liệu số, công bố hiện trạng thông tin về dữ liệu số của các CQNN trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin bảo đảm kết nối với Cổng dữ liệu số quốc gia.	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	5,0	5,0	10,0	25,0	
3.3.3	Xây dựng, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang	- Hợp nhất Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang, phát triển với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác - Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết.	Triển khai 2022, hoàn thành 2024	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	5,0	5,0	5,0	20,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
3.3.4	Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Bắc Giang	Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của CQNN các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		1,0	1,0	1,0	1,0	4,0	
3.3.5	Phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị (GIS) tỉnh Bắc Giang	Phát triển phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh Bắc Giang thành hạ tầng dữ liệu không gian đô thị (GIS) tỉnh Bắc Giang đảm bảo sự liên thông kết nối, chia sẻ với các lĩnh vực cần sử dụng dữ liệu nền GIS.	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		10,0	5,0	5,0	5,0	25,0	
3.3.6	Cập nhật thông tin lớp CSDL ngành Giao thông vận tải trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Cập nhật thông tin lớp CSDL ngành Giao thông vận tải trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Triển khai 2023, hoàn thành 2024	Sở GTVT	Sở TT&TT		0,5	0,5	0,5	0,5	2,0	
3.3.7	Cập nhật thông tin lớp CSDL quy hoạch đô thị trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Cập nhật thông tin lớp CSDL quy hoạch đô thị trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Triển khai 2023, hoàn thành 2024	Sở Xây dựng	Sở TT&TT		0,5	0,5	0,5	0,5	2,0	

TT	Dan h mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
3.3.8	CSDL quản lý công trình, nhà ở, kinh doanh bất động sản tỉnh Bắc Giang	Xây dựng mới CSDL để phục vụ quản lý công trình, nhà ở, kinh doanh bất động sản tỉnh Bắc Giang	Triển khai 2022, hoàn thành 2024	Sở Xây dựng	Sở TT&TT			0,5	2,0	1,0	3,5	
3.3.9	Cập nhật thông tin lớp CSDL quy hoạch, hạ tầng công nghiệp và thương mại trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Cập nhật thông tin lớp CSDL quy hoạch, hạ tầng công nghiệp và thương mại trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	2023	Sở Công thương	Sở TT&TT		0,5	0,5	0,5	0,5	2,0	
3.3.10	Cập nhật thông tin lớp CSDL quản lý lưới điện trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh và cập nhật thông tin lớp CSDL quản lý lưới điện trên nền tảng GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang.	2023	Sở Công thương	Sở TT&TT		0,5	0,5	0,5	0,5	2,0	
3.3.11	Cập nhật thông tin lớp CSDL quy hoạch tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Cập nhật thông tin lớp CSDL quy hoạch tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở TN&MT	Sở TT&TT		1,0	1,0	1,0	1,0	4,0	
3.3.12	Cập nhật thông tin lớp CSDL công trình thủy lợi trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Cập nhật thông tin lớp CSDL công trình thủy lợi trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	2024	Sở NN&PTN T	Sở TT&TT		0,5	0,5	0,5	0,5	2,0	

TT	Dan h mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
3.3.13	Xây dựng và triển khai Ứng dụng Công chức số tỉnh Bắc Giang	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng trên điện thoại di động dành cho cán bộ, công chức tỉnh (bao gồm các cấp Lãnh đạo tỉnh Bắc Giang), liên thông tích hợp với các dịch vụ, ứng dụng tác nghiệp như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quản lý văn bản</li> <li>+ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> <li>+ Các phần mềm quản lý chuyên ngành (theo lĩnh vực)</li> </ul> </li> <li>- Cung cấp các tiện ích như: ghi chép ghi chú cá nhân, quản lý lịch làm việc, lịch họp lãnh đạo...</li> <li>- Đối với từng người dùng khác nhau (lãnh đạo, cán bộ các Sở, ngành, các huyện...) sẽ được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang...</li> <li>- Trung tâm điều hành thông minh "mềm" cho mỗi cán bộ, công chức tỉnh.</li> </ul>	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	1,0	1,0	1,0	8,0	



TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
3.3.14	Nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành chính quyền các cấp tỉnh Bắc Giang	<p>- Thực hiện thành công chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh để tạo bước đột phá trong thay đổi phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu tập trung, thông tin hi ện trường và kết nối trực tuyến để nâng cao năng lực và hiệu quả góp phần hoàn thành kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.</p> <p>- Đảm bảo các công cụ phục vụ điều hành, họp trực tuyến cho 6 Sở ngành lĩnh vực được ưu tiên trong QĐ số 888/QĐ-UBND (bao gồm các Sở: Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo và cán bộ quản lý..</p> <p>- Đảm bảo kết nối liên thông chỉ đạo điều hành giữa Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh với các Phòng giám sát, điều hành thông minh của các sở ngành.</p>	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố				5,0	10,0	15,0	Vốn đầu tư TW cấp 85 tỷ

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
3.3.15	Xây dựng hệ thống ứng dụng CNTT thuận lợi trên thiết bị di động thông minh để hỗ trợ phổ biến đường lối chính sách, PL; giáo dục về giới tính, nhân quyền, bình đẳng giới, quyền phụ nữ, quyền trẻ em, giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cho đồng bào DTTS; cung cấp TT hướng nghiệp, việc làm phù hợp với trình độ, nhu cầu của đồng bào DTTS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng phần mềm chuyên ngành, kết nối các dịch vụ nền tảng dùng chung như: Cổng dữ liệu mở, Nền tảng eID..., các ứng dụng phần mềm của các ngành liên quan để cung cấp các thông tin liên quan chính thống của Đảng và Nhà nước và của các ngành.</li> <li>- Phản ánh kiến nghị, tương tác hai chiều với công dân...</li> <li>- Thuê dịch vụ hỗ trợ vận hành: xây dựng, bổ sung nội dung và dịch vụ hàng năm...</li> </ul>	Triển khai 2023	Ban dân tộc	Sở Thông tin và Truyền thông		1,0	1,0			2,0	
<b>3.4</b>	<b>Bảo đảm an toàn, an ninh mạng</b>											
3.4.1	Xây dựng, phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh Bắc Giang	Xây dựng, phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh và kết nối với Hệ thống hỗ trợ, giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia để đánh giá rủi ro, giám sát, phát hiện tấn công, cảnh báo sớm, ngăn chặn kịp thời và ứng cứu các sự cố liên quan đến an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh	Thực hiện hàng năm	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		15,0	10,0	10,0	10,0	45,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
<b>4</b>	<b>CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ</b>											
4.1	Tổ chức các hội thảo chuyên đề cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm giúp nâng cao nhận thức và thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp	Tổ chức các hội thảo chuyên đề cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để giúp họ tự đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh của mình theo phương thức mới.	Thực hiện hàng năm	Sở KH&ĐT	Hiệp hội doanh nghiệp Tỉnh		0,5	0,5	0,5	0,5	2,0	
4.2	Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên các sàn thương mại điện tử của Việt Nam	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng nông sản, đặc trưng và tiềm năng của tỉnh.	Thực hiện hàng năm	Sở Công thương	Hiệp hội doanh nghiệp Tỉnh		1,0	1,0	1,0	1,0	4,0	
<b>5</b>	<b>CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ</b>											
5.1	Xây dựng nền tảng cung cấp các khóa học đại trà (MOOCs) trực tuyến	Xây dựng nền tảng cung cấp các khóa học đại trà (MOOCs) trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp để nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân; từng bước hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	5,0	5,0	5,0	20,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
5.2	Xây dựng Trung tâm trí tuệ nhân tạo (AI) giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân	Xây dựng Trung tâm trí tuệ nhân tạo (AI) giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân thực hiện chuyển đổi số	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	5,0	3,0	3,0	16,0	
5.3	Xây dựng, triển khai và thuê dịch vụ hỗ trợ vận hành Ứng dụng Công dân số tỉnh Bắc Giang	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng Công dân số tỉnh Bắc Giang là ứng dụng duy nhất tích hợp các dịch vụ được cung cấp cho người dân trong mọi lĩnh vực của chuyển đổi số: chính quyền số, y tế số, giao thông số...</li> <li>- Kết nối các dịch vụ nền tảng dùng chung như: Công dữ liệu mở, Nền tảng eID...</li> <li>- Cung cấp các thông tin chính thống của Đảng và Nhà nước.</li> <li>- Phản ánh kiến nghị, camera công dân...</li> <li>- Thuê dịch vụ hỗ trợ vận hành: xây dựng, bổ sung nội dung và dịch vụ hàng năm...</li> </ul>	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		15,0	2,0	2,0	2,0	21,0	
<b>6</b>	<b>CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN</b>											
<b>6.1</b>	<b>Lĩnh vực Y tế</b>											
6.1.1	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Bệnh viện	Xây dựng Hệ thống Quản lý bệnh viện và triển khai cho các Bệnh viện, TTYT	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố, các bệnh viện, TTYT							Kinh phí theo QĐ số 2388/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.1.2	Xây dựng hệ thống quản lý bệnh án điện tử (EMR)	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống quản lý bệnh án điện tử (EMR) và triển khai cho các Bệnh viện, TTYT trên đại bàn tỉnh	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố, các bệnh viện, TTYT							Kinh phí theo QĐ số 2388/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh
6.1.3	Trang bị và triển khai hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y tế (PACS)	Trang bị, triển khai hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y tế (PACS) và triển khai cho các Bệnh viện, TTYT trên địa bàn tỉnh	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố, các bệnh viện, TTYT							Kinh phí theo QĐ số 2388/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh
6.1.4	Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành y tế tập trung (Trung tâm điều hành ngành Y tế)	Xây dựng phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực y tế: Quản lý chứng chỉ hành nghề dược; Quản lý đấu thầu thuốc tập trung; Quản lý tài sản, trang thiết bị y tế tập trung; Quản lý chuyên viện, chuyên tuyến; Phần mềm quản lý chỉ đạo tuyến tập trung; Vệ sinh an toàn thực phẩm; Công tác dân số; Môi trường y tế; Phần mềm chuyên ngành cho Trung tâm kiểm nghiệm; Trung tâm giám định y khoa	Triển khai 2022, hoàn thành 2024	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố							Kinh phí theo QĐ số 2388/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.1.5	Xây dựng hệ thống phần mềm chuyên ngành tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	Xây dựng phần mềm chuyên ngành cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh: Quản lý khám chữa bệnh cho công tác dự phòng; Quản lý tiêm chủng; Quản lý kho vắc xin và sinh phẩm y tế; Phần mềm báo cáo chuyên ngành tại CDC tỉnh	Triển khai 2021-2025	Sở Y tế	Sở TT&TT; CDC Tỉnh; Các cơ sở y tế trên toàn tỉnh				7,5	7,5	15,0	Theo yêu cầu nhiệm vụ, Sở Y tế đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chuyên môn
6.1.6	Xây dựng kho dữ liệu và phần mềm quản lý điều hành y tế phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực y tế	Xây dựng phần mềm quản lý điều hành tại Sở y tế phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực y tế: Xây dựng kho cơ sở dữ liệu Y tế tập trung và tích hợp với kho CSDL dùng chung của tỉnh; Xây dựng công cụ thu thập dữ liệu y tế từ tất cả các cơ sở y tế; Xây dựng hệ thống báo cáo điều hành thông minh (dashboard) phục vụ công tác chỉ đạo chuyên môn ngành y tế	Triển khai 2022, hoàn thành 2024	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố							Kinh phí theo QĐ số 2388/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh

TT	Dan h mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.1.7	Xây dựng hệ thống Chăm sóc sức khỏe	Xây dựng hệ thống thông tin chăm sóc sức khỏe thông minh theo định hướng của Bộ y tế tại Quyết định số 4888/QĐ-BYT gồm: Tin học hóa trạm y tế xã/phường theo QĐ số 3532/QĐ-BYT; Hệ thống quản lý giám sát bệnh Truyền nhiễm, không lây nhiễm tại Trạm y tế xã; Xây dựng ứng dụng y tế thông minh cung cấp các dịch vụ y tế cho người dân truy cập sử dụng trên thiết bị di động thông minh; Xây dựng hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân theo Quyết định 831/QĐ-BYT của Bộ Y tế; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng chatbot trợ lý ảo lĩnh vực y tế	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố							Kinh phí theo QĐ số 2388/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh
6.1.8	Xây dựng hệ thống tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Triển khai hệ thống tư vấn khám chữa bệnh từ xa cho các trạm y tế xã để tiếp nhận tư vấn từ xa từ các bác sĩ của bệnh viện tuyến trên (trung tâm y tế; bệnh viện tỉnh)	Triển khai 2024, hoàn thành 2025	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố				10,0	10,0	20,0	
<b>6.2</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</b>											

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.2.1	Xây dựng trường học số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn hoá khung phân loại các cấp độ trường học số tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Triển khai CSDL ngành giáo dục phục vụ công tác thống kê báo cáo đến 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh (hơn 500 cơ sở giáo dục Tiểu học, THCS, THPT, GDTX).</li> <li>- Thí điểm triển khai trường học số tại 02 trường THCS &amp; 10 trường THPT trong năm 2022 (30% số trường THPT) bao gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nâng cấp cơ sở hạ tầng số cho nhà trường.</li> <li>+ Thuê dịch vụ, mua sắm và triển khai phần mềm ứng dụng.</li> <li>+ Đào tạo giáo viên số, học sinh số, phụ huynh số.</li> <li>+ Hỗ trợ xây dựng lộ trình triển khai trường học số cho các cơ sở giáo dục phổ thông còn lại.</li> </ul> </li> </ul>	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thành phố		8,0	2,0	2,0	2,0	14,0	
6.2.2	Xây dựng CSDL Bài giảng điện tử và cung cấp dịch vụ khóa học trực tuyến chuẩn hoá phục vụ đổi mới hoạt động dạy và học	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng CSDL Bài giảng điện tử chuẩn hoá cấp tỉnh phục vụ 20% khối lượng chương trình THPT có thể thực hiện thông qua mạng Internet đáp ứng yêu cầu của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT.</li> <li>Hệ thống đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho Giáo viên Bắc Giang qua mạng Innternet.</li> </ul>	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thành phố		4,0	1,0	1,0	1,0	7,0	



TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.2.3	Xây dựng công cụ chuyển đổi số toàn diện công tác kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông	Năm 2021 triển khai đồng bộ khu vực THPT và 02 trường THCS, các năm tiếp theo triển khai nhân rộng xuống khu vực THCS & Tiểu học đáp ứng thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, thông tư 09/2021/TT-BGDĐT.	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thành phố		3,0	1,0	1,0	1,0	6,0	
<b>6.3</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường</b>											
6.3.1	Xây dựng, triển khai các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh; phát triển hệ thống tiếp nhận, phân tích, cảnh báo về dữ liệu quan trắc môi trường như: nước thải, nước mặt, khí thải và không khí xung quanh tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dân cư đáp ứng thời gian thực trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh từng giai đoạn	Triển khai các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh; phát triển hệ thống tiếp nhận, phân tích, cảnh báo về dữ liệu quan trắc môi trường như: nước thải, nước mặt, khí thải và không khí xung quanh tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dân cư đáp ứng thời gian thực trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở TN&MT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	2,0	2,0	2,0	11,0	
<b>6.4</b>	<b>Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư</b>											

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.4.1	Xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin các dự án đầu tư		Triển khai 2024, hoàn thành 2025	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố				4,0	4,0	8,0	
6.4.2	Xây dựng và triển khai Phần mềm Báo cáo tình hình sức khỏe của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mềm Báo cáo sức khỏe doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên cơ sở liên thông dữ liệu đăng ký kinh doanh (Sở KH&amp;ĐT) và tình hình nộp thuế (Cục Thuế tỉnh Bắc Giang) của các doanh nghiệp.</li> <li>- Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bao gồm cả các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp vừa và nhỏ</li> </ul>	Triển khai 2022, hoàn thành 2024	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		2,5	3,5	1,5		7,5	
<b>6.5</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT</b>											
6.5.1	Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm trong nền kinh tế tuần hoàn gắn với thương mại điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm trong nền kinh tế tuần hoàn gắn với thương mại điện tử.</li> <li>- Đưa công nghệ mới như công nghệ chuỗi khối (blockchain).</li> </ul>	Triển khai 2024, hoàn thành 2025	Sở NN&PTN T	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố				3,0	3,0	6,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.5.2	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng phần mềm, trang thiết bị, máy móc...</li> <li>- Trang bị hệ thống camera, hệ thống thu phát tín hiệu đảm bảo việc giám sát quản lý, bảo vệ rừng và truyền dữ liệu về Trung tâm giám sát, điều hành.</li> <li>- Xây dựng, lắp đặt Trạm thu phát tín hiệu phục vụ công tác giám sát, quản lý, bảo vệ rừng.</li> <li>- Năm 2022: Khảo sát lập dự án, trình UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt và xây dựng phần mềm, lắp đặt hệ thống truyền tin tại hiện trường.</li> <li>- Năm 2023-2024: Xây dựng Trung tâm điều hành, trang bị máy móc, vật tư, thiết bị; đào tạo, chuyển giao công nghệ.</li> </ul>	Triển khai 2022, hoàn thành 2024	Sở NN&PT NT	UBND huyện, TP Bắc Giang		5,0	10,0	5,0		20,0	
<b>6.6</b>	<b>Lĩnh vực Giao thông vận tải</b>											
6.6.1	Xây dựng hệ thống camera giao thông, camera xử lý vi phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông	Trang bị, triển khai hệ thống thu hình, camera lắp đặt ngoài hiện trường, phục vụ các mục đích: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát giao lộ</li> <li>- Đo đếm và phân loại phương tiện</li> <li>- Xử lý vi phạm đảm bảo trật tự an toàn giao thông</li> <li>- Cung cấp cho người tham gia giao thông</li> </ul>	Triển khai 2022, hoàn thành 2024	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	5,0	5,0		15,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.6.2	Xây dựng hệ thống giao thông thông minh tỉnh Bắc Giang	Nâng cấp và đầu tư các hệ thống phần mềm tại Phòng điều hành giao thông: - Đầu tư và triển khai cổng thông tin giao thông cung cấp thông tin cho người dân, - Đầu tư, triển khai phần mềm thu thập và phân tích lưu lượng xe, tình trạng giao thông tại trung tâm điều hành giao thông. - Đầu tư, triển khai phần mềm nghiệp vụ xử lý các vi phạm trật tự an toàn giao thông, kết nối thông tin với CA tỉnh. - Đầu tư và triển khai hệ thống quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Sở GTVT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		5,0	5,0	5,0	5,0	20,0	
6.6.3	CSDL và HTTT Giao thông vận tải	Xây dựng và triển khai HTTT Giao thông vận tải, bao gồm: - Quản lý phù hiệu xe chạy tuyến cố định và số nhật trình chạy xe; - Quản lý phù hiệu xe; - Quản lý biên lai; - Quản lý cấp phép cho xe ô tô vận tải, xe chuyên dùng xe ô tô con, xe khách lưu thông vào đường cấm, giờ cấm trong khu vực nội đô thành phố; - Quản lý cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương - Quản lý cấp phép lưu hành đặc biệt (cho xe quá khổ quá tải, xe bán xích tự hành); - Quản lý cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa; - Quản lý cấp giấy phép hoạt động bến	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở GTVT	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố			5,0	10,0	5,0	20,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
		khách ngang sông; - Quản lý cấp giấy phép liên vận; - Quản lý cấp đăng ký biển số cho xe máy chuyên dùng; - Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải (thủy/ bộ); - Quản lý duy tu; - Quản lý phương tiện giao thông công cộng; (SBN) - Quản lý thiết bị đo chất lượng tại nhà máy nước và gửi số liệu về trung tâm để tổng hợp báo cáo số liệu; và - Quản lý và cấp phép đào đường, via hè Số hoá hình thành CSDL Giao thông vận tải										
<b>6.7</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>										0,0	
6.7.1	Xây dựng và triển khai Công thông tin du lịch tỉnh Bắc Giang	- Phát triển Công du lịch thông minh tỉnh Bắc Giang bao gồm cả ứng dụng trên thiết bị di động. - Cung cấp các thông tin du lịch được chuẩn hóa sử dụng hình ảnh, công nghệ mô phỏng 3D, 4D để giới thiệu điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch của tỉnh và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh để quảng bá tiềm năng và vị thế của tỉnh	Triển khai 2022, hoàn thành 2024	Sở VH TTDL	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố			1,0			1,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.7.2	Xây dựng CSDL và HTTT Văn hoá	Xây dựng và triển khai HTTT Văn hoá, bao gồm: - Quản lý cấp phép hành nghề văn hoá - Quản lý di sản vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu Số hoá hình thành CSDL Văn hoá	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở VHTTDL			3,0			3,0	6,0	
6.7.3	Xây dựng CSDL và HTTT Thể thao	Xây dựng và triển khai HTTT Thể thao, bao gồm: - Quản lý các chỉ tiêu về thể thao quần chúng (tỷ lệ người tập TT thường xuyên; hộ gia đình TT, CLB TT; cơ sở KD hoạt động TT) - Quản lý thông tin về Huấn luyện viên, vận động viên, học sinh năng khiếu (Chế độ, chính sách...); - Quản lý Tập luyện và Thi đấu, thành tích của VĐV (thông tin về HLV, VĐV các đội tuyển và học sinh năng khiếu thể thao; thành tích thi đấu của VĐV, huân huy chương, bằng khen, giấy khen, trang thiết bị tập luyện, tài chính...); - Hệ thống Đào tạo VĐV Thể thao thành tích cao; - Quy trình tuyển chọn VĐV; - Quy trình về đánh giá tăng trưởng của VĐV Thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Giang	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở VHTTDL			4,0		3,0	3,0	10,0	
6.7.4	Xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin cấp phép các hoạt động du lịch	Cấp phép hoạt động du lịch: - Công ty lữ hành - Hướng dẫn viên - ...	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở VHTTDL			3,0			3,0	6,0	
<b>6.8</b>	<b>Lĩnh vực Phát thanh và Truyền hình</b>											

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.8.1	Ứng dụng các giải pháp công nghệ mới, phát triển hạ tầng sản xuất truyền dẫn phát sóng, xuất bản đa nền tảng, phát hành đồng bộ, hiện đại	Xây dựng Hệ thống các ứng dụng trên nền tảng số, Hệ thống quản lý sản xuất nội dung số, Hệ thống truyền hình tương tác, Hệ thống quản lý xuất bản đa nền tảng, Nâng cấp và phát triển website... tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ cả về nội dung và hình thức truyền tải các chương trình Phát thanh-Truyền hình trên nền tảng số nh thức truyền tải các chương trình	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Đài PTTH tỉnh	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố		12,0	7,0	7,0	10,0	36,0	
<b>6.9</b>	<b>Lĩnh vực Tư pháp và Tố tụng</b>											
6.9.1	Xây dựng phần mềm quản lý luật sư, tổ chức hành nghề luật sư	Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư; tăng cường tuyên truyền, phổ biến quy định về luật sư và hành nghề luật sư; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giải quyết KNTC về tổ chức, hoạt động của Đoàn Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm; chấn chỉnh hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư; thực hiện tốt việc CC TTHC liên quan đến hoạt động luật sư và hành nghề luật sư	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở Tư pháp	Các tổ chức hành nghề luật sư			0,8	0,5	0,2	1,5	
6.9.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý, số hóa, cập nhật thông tin về cá nhân, tổ chức giám định tư pháp	Căn cứ Luật giám định Tư pháp sửa đổi năm 2020 ; Xây dựng quy quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp; Công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố			1,0	0,5	0,5	2,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.9.3	Xây dựng Cơ sở dữ liệu về vi bằng	Xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm sát hoạt động của Thừa phát lại; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và QLNN về Thừa phát lại. Sẽ góp phần quan trọng vào việc tra cứu thông tin các vi bằng đã được lập. Từ đó nâng cao chất lượng vi bằng, nâng cao hiệu quả QLNN đối với hoạt động lập vi bằng	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở Tư pháp	Tổ chức, cá nhân			1,2	0,5	0,3	2,0	
6.9.4	Xây dựng phần mềm đánh giá tình hình thi hành pháp luật	Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2018-2022”; Chỉ thị số 43/CT-TTG ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch số 2052/KH-UBND ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh. Bao gồm các nội dung: - Xem xét, đánh giá tình hình việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật. - Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật. - Xem xét đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố			1,0	1,0	1,0	3,0	



TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.9.5	Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	Ứng dụng các giải pháp công nghệ, thông tin phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Điều 178 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL: UBND cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm cập nhật các nội dung ... vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản. Theo đó, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản bao gồm các tài liệu bằng văn bản, được phân loại, sắp xếp một cách khoa học và tin học hóa để thống nhất quản lý, tra cứu, sử dụng	Triển khai 2023, hoàn thành 2025	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố			1,0	1,0	1,0	3,0	
6.9.6	Ứng dụng các giải pháp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data)...trong đấu tranh phòng, chống và phát hiện tội phạm	Ứng dụng các giải pháp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data)...trong đấu tranh phòng, chống và phát hiện tội phạm	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố							Kinh phí theo Đề án, nhiệm vụ được phê duyệt

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN (tỷ đồng)					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
6.9.7	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đầu tư trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm đơn giản hóa thủ tục, quy trình tố tụng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm công khai minh bạch các hoạt động của lĩnh vực tư pháp và tố tụng	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đầu tư trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm đơn giản hóa thủ tục, quy trình tố tụng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm công khai minh bạch các hoạt động của lĩnh vực tư pháp và tố tụng	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố							Kinh phí theo Đề án, nhiệm vụ được phê duyệt
6.9.8	Số hóa 100% hồ sơ vụ án hình sự, chứng cứ số tiến tới xây dựng các phiên tòa số để tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử	Số hóa 100% hồ sơ vụ án hình sự, chứng cứ số tiến tới xây dựng các phiên tòa số để tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử	Triển khai 2022, hoàn thành 2025	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh	Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố							Kinh phí theo Đề án, nhiệm vụ được phê duyệt
<b>TỔNG KINH PHÍ (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6):</b>						<b>0</b>	<b>232,0</b>	<b>238,5</b>	<b>235,0</b>	<b>229,0</b>	<b>934,5</b>	